

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp,
đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 299/TTr-STNMT ngày 09 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.
2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc tách thửa đối với đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Điều 3. Diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp

1. Đối với khu vực nông thôn (xã):
 - a) Trường hợp thửa đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất nông nghiệp khác) nằm trong khu vực quy hoạch sử dụng đất là đất nông nghiệp thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 3.000m².

b) Trường hợp thửa đất nông nghiệp nằm trong khu vực quy hoạch sử dụng đất là đất phi nông nghiệp thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa như sau:

- Đất trồng cây hàng năm (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác), đất nuôi trồng thủy sản diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 1.000m².

- Đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 500m².

- Đất rừng sản xuất diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 3.000m².

2. Đối với khu vực đô thị (phường, thị trấn):

a) Đất trồng cây hàng năm (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác), đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác, đất trồng cây lâu năm diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 500m².

b) Đối với đất rừng sản xuất diện tích tối thiểu được phép tách thửa là 2.500m².

3. Trường hợp thửa đất nông nghiệp nằm trong các khu vực quy hoạch sử dụng đất là đất ở mà việc tách thửa đồng thời với chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở để hình thành thửa đất ở gắn liền với thửa đất nông nghiệp còn lại hoặc hình thành các thửa đất ở thì điều kiện, diện tích đất nông nghiệp được phép tách thửa được áp dụng theo điều kiện, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở.

Điều 4. Diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

1. Đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt nhưng không được thấp hơn điều kiện, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở.

2. Đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt thì diện tích tối thiểu được phép tách thửa được áp dụng theo điều kiện, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất ở.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với hồ sơ tách thửa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận phù hợp theo quy định của pháp luật nhưng đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong thì không áp dụng điều kiện, diện tích được phép tách thửa theo Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giải quyết đối với các trường hợp vướng mắc khác trong thực tế không được cụ thể hóa trong Quyết định này.

Những trường hợp vướng mắc khác trong thực tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.



2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện; phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2017. *VL*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 7;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STNMT (05b), tthuy (01b). *al*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

